

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG TẠI VIỆT NAM

**Th.s Nguyễn Tuấn Dũng**  
Trưởng Đại học Xây dựng  
**PGS.TS. Từ Quang Phương**  
Đại học Kinh tế Quốc dân

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều bước phát triển đáng kể. Kết quả của công cuộc đổi mới đã nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống của người dân, cải thiện bộ mặt chung của xã hội. Đầu tư công là một hoạt động không thể thiếu của mỗi quốc gia, nó được xem là động lực quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế, là một thành phần quan trọng của tổng cầu xã hội, góp phần gia tăng tổng cung và năng lực kinh tế, đặc biệt trong việc định hình và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội của một quốc gia. Bên cạnh những thành công và đóng góp tích cực vào quá trình phát triển đất nước, đầu tư công của Việt Nam còn một số hạn chế, nhất là về hiệu quả đầu tư. Đầu tư công kém hiệu quả không những gây lãng phí và tổn kém, mà còn làm gia tăng nhiều hệ quả tiêu cực như: Lạm phát trong nước tăng cao, mất cân đối vĩ mô, gia tăng chênh lệch giàu nghèo trong xã hội, hạn chế sức cạnh tranh và chất lượng phát triển của nền kinh tế trong hội nhập... Bài viết này sẽ phân tích tình hình đầu tư công trong những năm qua và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam.

## 1. Thực trạng đầu tư công tại Việt Nam

Đầu tư công ở Việt Nam hiện được hiểu là đầu tư từ các nguồn vốn của Nhà nước, bao gồm đầu tư phát triển từ vốn ngân sách nhà nước, vốn vay trong nước (trái phiếu chính phủ, tín dụng ngân hàng do Nhà nước bảo lãnh và vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước), vốn vay nước ngoài và vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp nhà nước.

Đầu tư công chiếm tỷ trọng lớn trong tổng đầu tư xã hội, giúp đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và

chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Cùng với đà phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, trong những năm gần đây tổng số vốn đầu tư trong xã hội liên tục tăng cao. Vốn đầu tư xã hội thực hiện năm 2010 theo giá so sánh 1994 tăng 39,20% so với năm 2006, bình quân mỗi năm thời kỳ 2006- 2010 vốn đầu tư tăng 11,50%. Vốn đầu tư khu vực nhà nước thực hiện năm 2010 tăng 29,59% so với năm 2006, bình quân mỗi năm thời kỳ 2006- 2010 tăng 7,72%. Vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước thực hiện năm 2010 tăng 32,23% so với năm

**Bảng 1: Vốn đầu tư theo giá so sánh 1994 phân theo thành phần kinh tế**

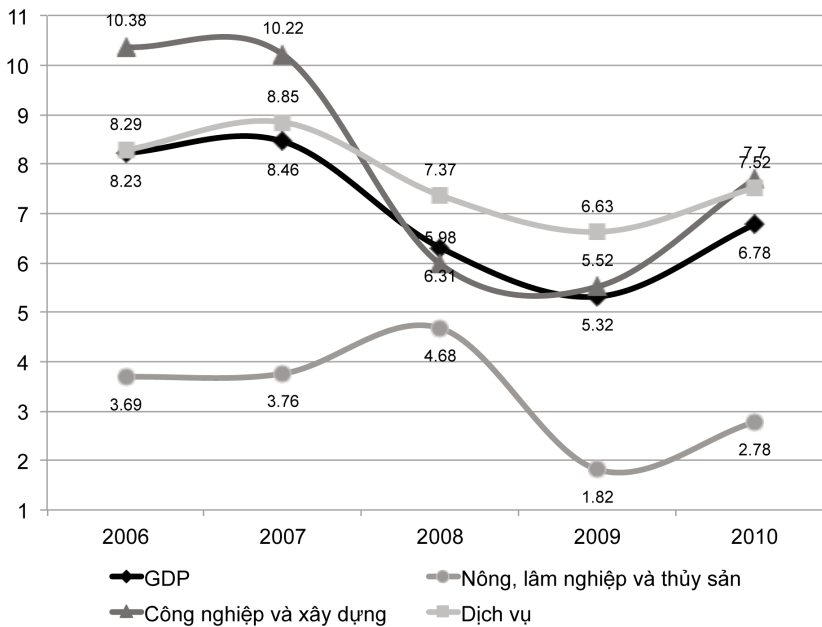
Đơn vị: Tỷ đồng

Năm	Tổng vốn đầu tư	Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2006	243.306	126.601	72.903	43.802
2007	309.117	131.905	92.517	84.695
2008	333.226	128.598	89.324	115.304
2009	371.302	173.089	92.801	105.412
2010	400.183	179.813	107.575	112.795

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê 2010, Tr. 152

**Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP 2006-2010 theo giá so sánh 1994**

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê 2010, Tr. 131

2006, bình quân mỗi năm thời kỳ 2006-2010 tăng 8,78%. Vốn đầu tư khu vực FDI thực hiện năm 2010 tăng 61,17% so với năm 2006, bình quân mỗi năm thời kỳ 2006-2010 tăng 18,00%. Với số liệu cụ thể từ năm 2006-2010 thể hiện qua bảng 1.

Trong thời gian từ năm 2006-2010, nền kinh tế Việt Nam luôn tăng trưởng với nhịp độ khá cao. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2006 đạt 8,23%, năm 2007 đạt 8,46%, năm 2008 đạt 6,31%, năm 2009 đạt 5,32% và năm 2010 ước tính đạt 6,78%. Bình quân thời kỳ 2006-2010, tăng trưởng kinh tế đạt 7,01%/năm, trong đó bình quân giai đoạn 2006- 2007 đạt 8,34%; bình quân giai đoạn 2008- 2010 đạt 6,14% do ảnh hưởng của lạm phát tăng cao và suy thoái kinh tế thế giới. Tăng trưởng ba khu vực kinh tế như sau:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,34%/năm thời kỳ 2006-2010, trong đó giai đoạn 2006- 2007 tăng 3,72%; giai đoạn 2008-2010 tăng 3,09%.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,94%/năm thời kỳ 2006-2010, trong đó giai đoạn 2006- 2007 tăng 10,30%; giai đoạn 2008- 2010 tăng 6,40%.

- Khu vực dịch vụ tăng 7,73%/năm thời kỳ 2006-

2010, trong đó giai đoạn 2006-2007 tăng 8,57%; giai đoạn 2008-2010 tăng 7,17%.

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người tăng từ 11694 nghìn đồng năm 2006 lên 22778 nghìn đồng năm 2010, gấp gần 2 lần, tương đương 11084 nghìn đồng. Số liệu được thể hiện qua Hình 1.

*Hiệu quả đầu tư nói chung và đặc biệt là hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam thấp.*

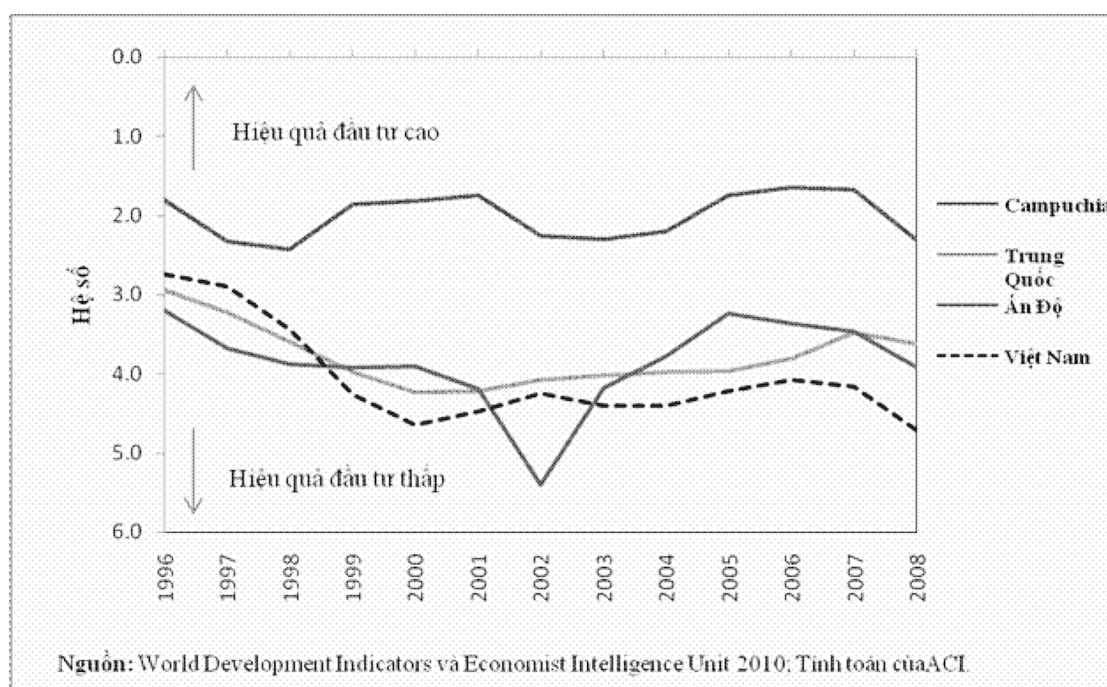
Để đánh giá lại hiệu quả đầu tư công hiện nay người ta dùng hệ số sử dụng vốn ICOR (*Incremental Capital - Output Rate*), hay còn được gọi là hệ số đầu tư tăng trưởng, hay tỷ lệ vốn trên sản lượng tăng thêm. Hệ số ICOR đo lường hiệu quả đầu tư, tính trên lượng vốn cần tăng thêm để đạt mức gia tăng một đơn vị sản lượng và được tính bằng công thức:

$$ICOR = (K_t - K_{t-1}) / (Y_t - Y_{t-1})$$

trong đó K là vốn, Y là sản lượng, t là kỳ báo cáo, t-1 là kỳ trước.

Hiệu quả của vốn đầu tư cũng đang giảm thấp đến mức báo động với chỉ số ICOR tăng mạnh trong giai đoạn 1991- 2009. Nếu như trong giai đoạn 1991-1995, hệ số ICOR là 3,5 thì đến giai đoạn năm 2007- 2008, hệ số này là 6,15; năm 2009, hệ số ICOR tăng vọt lên 8; năm 2010, hệ số này giảm xuống còn 6,2; nhưng vẫn còn cao hơn nhiều so với

**Hình 2: Hệ số ICOR của Việt Nam và một số quốc gia châu Á**



khuyến cáo của World Bank: đối với một nước đang phát triển, hệ số ICOR ở mức 3 là đầu tư có hiệu quả và nền kinh tế phát triển theo hướng bền vững. So sánh với các nước trong khu vực, ICOR của Việt Nam gần gấp đôi, có nghĩa là hiệu suất đầu tư chỉ bằng một nửa. Số liệu được thể hiện qua Hình 2.

Hệ số ICOR của Việt Nam cao có phần vì đầu tư công cho kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội lớn, tác động đến tăng trưởng GDP có độ trễ. Mặt khác, tăng trưởng GDP chủ yếu dựa vào tăng đầu tư kéo theo ICOR cao, hiệu quả đầu tư kém.

Về vấn đề nợ công của Việt Nam, theo đánh giá của WB và IMF không nằm trong các nước có gánh nặng về nợ cao nhưng hiệu quả quản lý, sử dụng nợ chưa có sự cải thiện rõ rệt. Có thể hiểu nợ chính phủ, nợ công hoặc nợ quốc gia là tổng giá trị các khoản tiền mà chính quyền từ trung ương đến địa phương đi vay nhằm tài trợ cho các khoản thâm hụt ngân sách. Vì thế, nợ chính phủ được xem như là thâm hụt ngân sách lũy kế tính đến một thời điểm nào đó. Để dễ hình dung quy mô của nợ chính phủ, người ta thường đo xem khoản nợ này bằng bao nhiêu phần trăm so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Theo công bố của WB, tính đến cuối năm 2011 nợ công của Việt Nam hiện chiếm 54,6% GDP trong đó nợ nước ngoài chiếm 41,5% GDP, nợ công

của Thái Lan là 44% GDP, nợ công của Indonesia là 39,7% GDP, nợ công của Philippines là 47,3% GDP.

*Tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời gian qua chủ yếu do đầu tư theo chiều rộng, dựa chủ yếu vào vốn và lao động mà không phải yếu tố công nghệ.*

Từ những số liệu được phân tích cụ thể ở trên cho thấy chất lượng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam còn thấp và chưa đạt được độ bền vững. Việt Nam trong thời gian vừa qua phát triển kinh tế theo chiều rộng chưa tăng trưởng về chiều sâu, vốn đầu tư cao và dàn trải. Đặc biệt là đầu tư trong khu vực nhà nước chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế xã hội. Do vậy, hiệu quả vốn đầu tư và đầu tư là không cao, biểu hiện chỉ số ICOR của Việt Nam mặc dù có được cải thiện nhưng vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực và thế giới.

## 2. Một số nguyên nhân làm giảm hiệu quả đầu tư công ở Việt Nam

*Công tác quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch xây dựng còn nhiều bất cập, thiếu sự đồng bộ gây ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư các dự án công ở Việt Nam.*

Công tác quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội trong thời gian qua còn yếu kém, phương pháp quy hoạch chưa bài bản và sự phối hợp thiếu chặt chẽ, không ăn khớp giữa các cấp, các ngành và mức độ

tham gia hạn chế của các tổ chức xã hội, các nhà khoa học và cộng đồng dân cư trong việc lập quy hoạch đã làm giảm tính khả thi của quy hoạch, gây ra sự lãng phí nguồn lực của xã hội. Ngoài ra, công tác quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, sự đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội và quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất chưa được các cấp, các ngành chú trọng. Những hạn chế của công tác quy hoạch đã dẫn đến có nhiều dự án đầu tư công xây dựng không phù hợp về địa điểm và thời điểm, quy mô công trình không phù hợp với yêu cầu sử dụng, công trình xây dựng không đảm bảo cảnh quan và môi trường, đầu tư xây dựng thiếu đồng bộ dẫn đến đầu tư dàn trải và thiếu vốn gây lãng phí và kém hiệu quả.

*Tình trạng đầu tư dàn trải trong các dự án đầu tư công còn diễn ra phổ biến.*

Hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang phát triển theo chiều rộng, không có chiều sâu, tăng trưởng GDP chạy theo số lượng, tìm mọi cách tăng lượng vốn đầu tư, trước hết là đầu tư công diễn ra phổ biến. Các dự án đầu tư công được bố trí vốn vượt quá khả năng cho phép, phân bổ đầu tư cho cả những dự án chưa đủ thủ tục, những dự án chưa cần thiết. Từ đây phát sinh đầu tư dàn trải, nợ đọng trong đầu tư xây dựng lớn.

*Quá trình quản lý dự án đầu tư công từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến giai đoạn kết thúc xây dựng, đưa dự án vào vận hành thực sự chưa hiệu quả.*

Quá trình phê duyệt quyết định dự án gắn liền với việc bố trí vốn cho dự án, nhưng thực tế hiện nay các ngành và địa phương quyết định về dự án đầu tư còn vốn thì ghi là vốn ngân sách và xin vốn từ Trung ương. Tình trạng này dẫn đến các dự án đều được phê duyệt nhưng không có vốn hoặc thiếu vốn để triển khai.

Quá trình thẩm định dự án bao gồm việc xem xét các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả và khả thi của dự án. Trong thực tế việc tính hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội của dự án là rất chung chung và sơ sài, năng lực và trình độ cán bộ chưa ngang tầm. Vì vậy việc ra quyết định đầu tư thường mang tính chủ quan, đây cũng là kẽ hở để một số bộ phận mưu lợi cục bộ

và mưu lợi cá nhân.

Đấu thầu để thực hiện các dự án công đã được thực hiện hơn mười năm qua, sự ra đời của Luật đấu thầu 2005 và Nghị định 85/2009/NĐ-CP/hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng đã tạo nên một hành lang pháp lý quan trọng trong quá trình lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu trong hoạt động xây dựng. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định pháp luật về đấu thầu hiện hành trên thực tế vẫn còn nảy sinh những vướng mắc. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo của cấp có thẩm quyền chưa sát và chưa chặt chẽ. Sự lạm dụng hình thức đấu thầu hạn chế còn diễn ra ở các địa phương, hiện tượng chia nhỏ gói thầu không đúng quy định còn phổ biến. Gần đây, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng, Chính phủ thường dùng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn nhà thầu. Khi làm theo cách này, tiến độ dự án triển khai nhanh hơn nhưng chất lượng các dự án thấp, thậm chí tạo điều kiện cho các nhà thầu chạy dự án theo cách không lành mạnh, hời hợt để được nhận chỉ định thầu.

Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước chưa thường xuyên, chưa liên tục, công tác giám sát hiệu quả thấp. Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy, các công trình, dự án đều có sai phạm trong khâu lập thủ tục đầu tư, thiết kế, đấu thầu, sử dụng vốn đầu tư sai mục đích, nghiệm thu, thanh quyết toán không, quyết toán sai so với khối lượng thực tế đã thi công, đơn giá, định mức... gây thất thoát, lãng phí đáng kể. Có những dự án đã xây dựng xong, nhưng chưa quyết toán, đến lúc làm thanh quyết toán các nhà thầu sẽ xin bù giá, phát sinh khối lượng...

### **3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam**

Với thực trạng đầu tư công ở Việt Nam đã được phân tích ở trên, để nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững, ngân sách nhà nước lành mạnh thì nhân tố quan trọng là phải nâng cao hiệu quả đầu tư công. Do vậy, tác giả có đề xuất một số giải pháp như sau:

**Thứ nhất**, không ngừng đẩy mạnh vai trò công tác lập quy hoạch và nâng cao chất lượng quy hoạch, công tác quy hoạch phải được ưu tiên đầu tư



đi trước để định hướng và bảo đảm tính đồng bộ trong quá trình xây dựng phát triển kinh tế xã hội. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác. Tổ chức công bố Quy hoạch được phê duyệt. Nghiên cứu, triển khai thực hiện Quy hoạch đồng bộ và toàn diện. Xây dựng các kế hoạch để thực hiện Quy hoạch đạt kết quả và hiệu quả cao.

**Thứ hai**, thay đổi cơ chế phân quyền quyết định đầu tư trong các dự án đầu tư công một cách phân tán như hiện nay. Các địa phương, các bộ vẫn có quyền chủ động xây dựng và đề xuất các dự án đầu tư, tùy theo quy mô và tầm quan trọng của dự án mà việc thẩm định và quyết định đầu tư được phân cấp rõ ràng nhưng phải tuân thủ nguyên tắc tập trung để đảm bảo tính thống nhất của chiến lược và quy hoạch tổng thể quốc gia và vùng lãnh thổ, phải đảm bảo cân đối được nguồn vốn đầu tư.

Cần có nghiên cứu, quy định cụ thể hơn về quyền và nghĩa vụ của người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các tổ chức tư vấn; phân định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư và ban quản lý dự án trong các hình thức quản lý dự án cụ thể (tự tổ chức quản lý, thuê tư vấn quản lý và ủy thác đầu tư); nhất là trách nhiệm của các tổ chức tư vấn đầu tư trong các lĩnh vực lập dự án, thẩm định dự án, đánh giá đầu tư, quản lý dự án đầu tư... Thực hiện công khai hóa kế hoạch, chương trình mục tiêu và dự án đầu tư công: Việc công khai hóa các nội dung trên là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan liên quan nhằm cung cấp thông tin đến mọi người dân và các cơ quan quản lý để thực hiện giám sát, góp phần chống tiêu cực trong đầu tư;

**Thứ ba**, giảm quy mô đầu tư và đầu tư công cho phù hợp với sức của nền kinh tế, từ bỏ mô hình tăng trưởng “nóng”, dựa chủ yếu vào tăng vốn đầu tư và gia công sản xuất, chuyển sang mô hình phát triển theo chiều sâu. Cắt giảm đầu tư công sẽ là một bước thực hiện tái cơ cấu đầu tư giúp cho doanh nghiệp nhà nước tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính của mình, còn với các địa phương, tỉnh, thành thì cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí.

Hiện nay, Chính phủ đã ra Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 có đề cập đến việc phải cắt giảm đầu tư công, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Chính phủ đã cử các đoàn đi kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư công sau đó cắt giảm nhưng cách làm vẫn mang tính hành chính. Sau quá trình rà soát cắt giảm vốn đầu tư công, các địa phương đã gặp khó khăn trong việc triển khai các dự án vì trước đây các dự án này thường được ứng trước vốn năm sau cho thực hiện năm trước. Không được ứng vốn nên nhiều đơn vị đã bắt đầu không có vốn, nhiều công trình đang thi công hết vốn có khả năng phải dừng lại. Đây là một thực tế, nên khi kiểm tra, rà soát ở các địa phương Chính phủ nên cân đối vốn cho những công trình thực sự cần thiết, những công trình chưa có khả năng hoàn thành trong năm thì dừng đầu tư. Bên cạnh đó cần có sự công khai minh bạch về đầu tư công và có những quy chế chặt chẽ về trách nhiệm của những người chủ trì sử dụng vốn đầu tư công.

**Thứ tư**, tái cơ cấu thu chi ngân sách, thay đổi cơ cấu chi tiêu ngân sách theo hướng giảm bớt chức năng “nhà nước kinh doanh” và đồng thời tăng cường chức năng “nhà nước phúc lợi”.

Thực hiện “xã hội hóa” việc đầu tư kinh doanh, huy động các nguồn lực trong xã hội phục vụ mục tiêu đầu tư phát triển theo các hình thức BOT (Xây dựng- Khai thác- Chuyển giao), BT (Xây dựng- Chuyển giao), PPP (hợp tác nhà nước- tư nhân). Tạo ra các cơ chế để huy động tối đa, hiệu quả các nguồn vốn xã hội, giảm dần sự phụ thuộc, trông chờ vào ngân sách, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia đấu thầu thực hiện các dự án có vốn ngân sách Nhà nước và nguồn ngân sách Nhà nước, kể cả vốn ODA.

**Thứ năm**, cần nâng cao hiệu quả quản lý dự án trong đầu tư công. Thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về đầu tư; đồng thời, tăng cường thẩm quyền và năng lực của hệ thống giám sát đối với đầu tư công, khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động giám sát của cộng đồng đối với các dự án đầu tư công nói riêng và hoạt động đầu tư công nói chung; xác lập cụ thể quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong vai trò giám sát đối với đầu tư công.

Nâng cao trình độ kiến thức cho người lập và thẩm định dự án đầu tư, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với Thủ trưởng đơn vị trong quản lý đầu tư công. Người, tổ chức quyết định đầu tư sai, gây lãng phí, thất thoát phải bị xử phạt hành chính, cắt chức hoặc truy cứu trách nhiệm. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả, chất lượng của dự án, chấm dứt tình trạng giao cho người không đủ điều kiện năng lực và chuyên môn nghiệp vụ thực hiện quản lý dự án; phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh và đề xuất các biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh những sai phạm trong việc sử dụng ngân sách nhà nước cho đầu tư công. Phải kiên quyết đình hoãn những dự án không hiệu quả, không bố trí vốn những dự án không đủ thủ tục đầu tư, không phê

duyet dự án nếu không xác định được nguồn vốn thực hiện cho việc đầu tư mới.

Hoàn thiện công tác đấu thầu để tạo nên sự công bằng và tính minh bạch, đảm bảo tính cạnh tranh cao trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

*Thứ sáu*, để nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường đầu tư công thì chúng ta cần sớm ban hành Luật Đầu tư công, trong đó bao hàm các tiêu chuẩn pháp quy nhằm đảm bảo hiệu quả tổng hợp của đầu tư công. Hiện nay, các văn bản pháp quy về đầu tư, quản lý đầu tư xây dựng... chú trọng nhiều đến quy trình và thủ tục còn thiếu chú ý đến việc giám sát và chế tài đối với việc thực thi các hoạt động đầu tư. Do vậy, Luật đầu tư công sắp tới cần quy định hệ thống chế tài nghiêm khắc để thực thi luật. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2012.
2. Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.
3. Phạm Sĩ An (2009), Vai trò của đầu tư công trong tăng trưởng kinh tế. Báo cáo chuyên đề cho Viện Kinh tế Việt Nam.
4. Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB (2010), “Key Indicators for Asia the Pacific 2009”. Manila.
5. Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB (2009), “Key Indicators for Asia the Pacific 2008”. Manila.
6. Báo cáo hội thảo “Đổi mới thể chế, cơ chế và những giải pháp chấn chỉnh, hoàn thiện, tái cấu trúc lĩnh vực đầu tư công trong một vài năm tới”, do Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức năm 2011.
7. Ngân hàng Thế giới WB (2000), Báo cáo “Việt Nam: Quản lý tốt hơn nguồn nhân lực nhà nước. Đánh giá chi tiêu công 2000”. Báo cáo của Nhóm công tác chung giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ về Đánh giá chi tiêu công.
8. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2012 “Kinh tế thị trường khi Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập trung bình” do nhóm chuyên gia của Ngân hàng Thế giới WB soạn thảo.